Biểu số 01

CÔNG TÁC BAN HÀNH MỘT SỐ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO

(Kèm theo Báo cáo số: 110 /BC-BCSSKND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Ban Chỉ đạo)

STT	Danh mục	Thời gian ban hành	Nội dung đã triển khai thực hiện	
			Số QĐ, KH	Ngày, tháng ban hành
1	Quyết định về việc kiện toàn Ban chỉ đạo bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân huyện Phong Thổ	Tháng 11/2023	Số 2872/QĐ-UBND	Ngày 02/11/2023
2	Quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên nghành việc chấp hành các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịp tết Nguyên đán và mùa lễ hội xuân năm 2024 trên địa bàn huyện Phong Thổ	Tháng 1/2024	Số 04/QĐ-UBND	Ngày 16/1/2024
3	Quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên nghành vệ sinh ATTP trong dịp tháng hành động vì ATTP năm 2024	Tháng 4/2024	Số 13/QĐ-BCĐ	Ngày 09/4/2024
4	Kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa lễ hội xuân năm 2024	Tháng 12/2023	Số 174/KH-BCĐ	Ngày 25/12/2023
5	Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân năm 2024	Tháng 01/2024	Số 06/KH-UBND	Ngày 10/01/2024
6	Kế hoạch thực hiện xã, Thị Trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Phong Thổ	Tháng 01/2024	Số 07/KH-UBND	Ngày 10/01/2024
7	Kế hoạch cải thiện dinh dưỡng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024	Tháng 4/2024	Số 140/KH-UBND	Ngày 19/04/2024

8	Kế hoạch phòng, chống bệnh truyền nhiễm huyện Phong Thổ năm 2024	Tháng 4/2024	Số 138/KH-UBND	Ngày 19/04/2024
9	Kế hoạch triển khai tháng hành động vì An toàn thực phẩm năm 2024	Tháng 4/2024	Số 37/KH-BCĐ	Ngày 09/4/2024
10	Kế hoạch tổ chức tháng cao điểm dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con năm 2024	Tháng 6/2024	Số 81/ KH-BCĐ	Ngày 03/6/2024
11	Công văn tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh mùa đông xuân năm 203 - 2024	Tháng 1/2024	Số 15/UBND -VP	Ngày 04/01/2024
12	Công văn về việc phòng,chống dịch bệnh	Tháng 5/2024	Số 796/UBND -VP	Ngày 13/05/2024

Biểu số 02

CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NGÀNH Y TẾ

(Kèm theo Báo cáo số: 110*/BC-BCSSKND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Ban Chỉ đạo)*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
			Kế hoạch	TH 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm	
I	**Cơ sở y tế và giường bệnh**					
1	Số cơ sở y tế quốc lập	Cơ sở	18	18	18	
-	Trung tâm y tế huyện/thành phố	TT	1	1	1	
-	Phòng khám đa khoa khu vực	PK	2	2	2	
-	Trạm y tế xã/phường/thị trấn	Trạm	15	15	15	
-	Tỷ lệ trạm y tế xã được xây dựng kiên cố	%	100	87	87	
2	Cơ sở y tế tư nhân	Cơ sở				
3	Tổng số giường bệnh quốc lập toàn tỉnh	Giường				
-	Giường bệnh tuyến tỉnh	Giường				
-	Giường bệnh tuyến huyện	Giường	130	130	130	
	+ Giường bệnh tại Bệnh viện/Trung tâm y tế huyện	Giường	100	100	100	
	+ Giường Phòng khám đa khoa khu vực	Giường	30	30	30	
4	Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	15,05	15,02	15,02	
II	**Nhân lực y tế**					
1	Tổng số cán bộ toàn ngành	Người	283	262	284	
	Trong đó:					
1.1	Bác sỹ	Người	60	54	59	
	Số bác sỹ/vạn dân	1/10,000	6,95	6,24	6,82	
1.2	Dược sỹ đại học	Người	19	19	19	
	Tỷ lệ dược sỹ/vạn dân	1/10.000	2,20	2,20	2,20	
2	Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ (biên chế tại trạm)	%	76,47	80,00	80,00	

3	Tỷ lệ thôn, bản có nhân viên y tế thôn bản hoạt động	%	97,06	94,71	94,71	
	Số thôn, bản	Thôn, bản	171	170	170	
	Số thôn, bản có nhân viên y tế thôn, bản hoạt động	Thôn, bản	165	161	161	
III	**Một số chỉ tiêu tổng hợp**					
1	Số xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã	Xã	15	14	15	
	Trong đó: Số được công nhận mới trong năm	Xã	1	-	1	
	Tỷ lệ xã, thị trân đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	88,24	82,35	88,24	
2	Tỷ suất tử vong trẻ em <1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	%o	29,19	23,16	29,19	
3	Tỷ suất tử vong trẻ em <5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	%o	36,76	31,33	36,76	
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	16,00	16,00	16,00	
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (chiều cao theo tuổi)	%	21,40	21,40	21,40	
6	Tỷ lệ TE < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại Vacxin (8 loại)	%	94,34	13,87	94,34	
7	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 3 lần trong thai kỳ	%	63,00	63,00	63,00	
8	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ	%	73,00	80,75	80,75	
9	Tỷ suất mắc các bệnh xã hội			-	-	
	- Sốt rét	%o	-	-	-	
	- Lao	1/100.000	17,30	12,74	17,37	
	- HIV/ AIDS	%	0,26	0,24	0,24	
10	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	96,00	93,90	95,80	
11	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	60,00	60,00	60,00	
12	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	97,00	92,00	92,10	